

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày: 10-5-2021
V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nghĩa.
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Huệ.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé Q - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Lâm Thị Thanh N - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2021, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé Q trình bày và yêu cầu:

Ngày 28/8/2018, bà cho bà Lâm Thị Thanh N vay 45.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 01 tháng, có làm biên nhận. Đến ngày 27/9/2020, bà N viết lại biên nhận nợ cho bà, hẹn hết tháng 10/2020 trả. Tuy nhiên, bà N vẫn không trả.

Bà khởi kiện yêu cầu bà N (không yêu cầu chồng bà N) trả cho bà số tiền vay 45.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

- Tại bản tự khai ngày 24/02/2021, bị đơn bà Lâm Thị Thanh N trình bày: Bà đồng ý trả cho bà Q số tiền vay 45.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lâm Thị Thanh N vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Bé Q khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Lâm Thị Thanh N có nơi cư trú tại ấp Voi, xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm Q theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà Q không yêu cầu chồng bà N có nghĩa vụ liên đới trả nợ là sự tự nguyện của đương sự nên ghi nhận.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và trình bày không thỏa thuận được với bị đơn về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[4] Xét việc bà Q yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền vay 45.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận toàn bộ. Bởi vì: Lời trình bày của bà Q phù hợp biên nhận nợ ngày 27/9/2020 có chữ ký của bà N. Tại bản tự khai ngày 24/02/2021 bà N cũng đồng ý trả cho bà Q 45.000.000 đồng. Vì vậy, xét bà N đã nhận khoản tiền vay 45.000.000 đồng từ bà Q, đến hạn bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà N có nghĩa vụ trả cho bà Q theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ các nhận định trên, cần buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền 45.000.000 đồng.

[6] Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[7] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà Q được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp.

[8] Bà N có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền 45.000.000 đồng nên phải chịu 2.250.000 đồng (45.000.000 đồng x 5%) tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé Q về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Lâm Thị Thanh N.

Buộc bà Lâm Thị Thanh N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bé Q số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Lâm Thị Thanh N có nghĩa vụ chịu 2.250.000 đồng (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị Bé Q không phải chịu án phí. Trả lại cho bà Q 1.597.500 đồng (Một triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 0008977 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

3. Nguyên đơn có mặt có Q kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/5/2021). Bị đơn vắng mặt có Q kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái